TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Đỗ Trọng T

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T; nơi cư trú: Tổ dân phố số 4, phường T, quận H, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B; Tạm trú: Kitahonjo 4-chome 7-9, Harimi-cho, Kako-gun, tỉnh Hyogo, Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Chị T và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh B vào ngày 16/02/2017.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B. Đến năm 2018 anh T sang Nhật lao động. Thời gian đầu anh T vẫn liên lạc về cho chị và gia đình. Đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống cũng như mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến hai vợ chồng thường

xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên cùng anh chị em trong nhà biết mâu thuẫn vợ chồng có khuyên giải nhưng không có kết quả. Khi anh T sang Nhật thì chị và con gái đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Đến năm 2021 bố mẹ đẻ chị chuyển nhà xuống H nên chị và con cũng về H sinh sống từ đó đến nay. Việc chị làm đơn xin ly hôn anh T đã biết và cũng đồng ý ly hôn với chị. Hai vợ chồng chị thống nhất chọn Toà án nhân dân thành phố H giải quyết ly hôn. Chị xét thấy mâu Tẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án nhân dân thành phố H giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Dương Tuệ Anh, sinh ngày 12/8/2018, hiện chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục Việt Nam, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2017 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh B.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Sau khi kết hôn được khoảng 2 năm thì anh đi sang Nhật Bản lao động đến nay, không liên quan đến nhau về tình cảm và kinh tế. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án nhân dân thành phố H giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Anh thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân thành phố H là nơi giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Dương Tuệ Anh, sinh ngày 12/8/2018. Do anh đi công tác xa nên con sẽ do chị Dương Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng. Hai bên tự thoả Tận việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã T thập thể hiện mâu Tẫn của chị T và anh T không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Dương Tuệ Anh, sinh ngày 12/8/2018, hiện đang sinh sống cùng chị T nên đề nghị giao con Nguyễn Dương Tuệ Anh cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thì chị Dương Thị T; cư trú tại số TDP số 4, phường T, quận H, thành phố H, còn anh Nguyễn Anh T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B; Tạm trú: Kitahonjo 4-chome 7-9, Harimi-cho, Kako-gun, tỉnh Hyogo, Nhật Bản. Chị T và anh T thống nhất đề nghị Toà án nhân dân thành phố H giải quyết nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Bị đơn có đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Anh T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ vào trình bày của chị T và anh T, HĐXX xác định vợ chồng xảy mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Dương Tuệ Anh, sinh ngày 12/8/2018, hiện con đang ở cùng với chị T. Chị T và anh T đều thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng nên HĐXX căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Dương Tuệ Anh cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[7] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Dương Tuệ Anh, sinh ngày 12/8/2018 cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị T đã nộp đủ tại biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005591 ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Luyến	**Đỗ Trọng Tuấn**	**Nguyễn Thị Tuyết Hồng**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- UBND xã Lưu Kiếm, H.Thủy Nguyên, HP (GCNKH ngày 13/12/2000);
- Chi cục THA dân sự TP H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Hồng